

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 207/KH-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh về việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 237/TTr-SNN ngày 23 tháng 10 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 14 thủ tục hành chính nội bộ mới giữa các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (có Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Tấn Hồ**

## PHỤ LỤC

**Thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước  
trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh**  
(Kèm theo Quyết định số: 1453/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2024  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

### PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ A. SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

TT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn (Từ hạng IV lên hạng III và từ hạng III lên hạng II)	Viên chức	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Công bố dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Công bố hết dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4	Kê hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa trên phạm vi toàn tỉnh	Trồng trọt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của cấp huyện.	Thú y	UBND cấp huyện
6	Công bố dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra từ 02 huyện trở lên trong phạm vi tỉnh.	Thú y	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra từ 02 huyện trở lên trong phạm vi tỉnh.	Thú y	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Công bố dịch bệnh động vật thủy sản.	Thú y	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Công bố hết dịch bệnh động vật thủy sản.	Thú y	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
10	Phê duyệt kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.	Thú y	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

### B. UBND CẤP HUYỆN

TT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Kê hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa trên địa bàn huyện	Trồng trọt	Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng Kinh tế
2	Quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của cấp xã.	Thú y	UBND cấp xã
3	Công bố dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra trong phạm vi huyện.	Thú y	Trạm Chăn nuôi và Thú y cấp huyện
4	Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra trong phạm vi huyện.	Thú y	Trạm Chăn nuôi và Thú y cấp huyện

## **PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ**

### **A. SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

#### **I. Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn (Từ hạng IV lên hạng III và từ hạng III lên hạng II)**

##### **1. Trình tự thực hiện**

**Bước 1.** Rà soát, xác định nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (CDNN) viên chức.

Căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của cơ quan, đơn vị. Các cơ quan, đơn vị lập danh sách và hồ sơ viên chức có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện cử tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức gửi đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp xây dựng Đề án xét thăng hạng CDNN báo cáo Sở Nội vụ để xem xét, quyết định chỉ tiêu xét thăng hạng CDNN viên chức.

##### **Bước 2.** Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch xét thăng hạng và tổ chức triển khai, thực hiện việc xét thăng hạng CDNN theo quy định (*sau khi Sở Nội vụ thống nhất chỉ tiêu*).

Việc tổ chức xét thăng hạng CDNN, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ, Quy định của Bộ quản lý CDNN viên chức chuyên ngành (nếu có) để triển khai, thực hiện theo đúng quy định.

**Bước 3.** Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP)

1. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thành lập. Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu bộ phận tham mưu về tổ chức cán bộ của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

c) Các Ủy viên Hội đồng là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp do người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp quyết định, trong đó có 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

2. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng đã biểu quyết. Hội đồng thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Thông báo kế hoạch, thời gian, nội quy, hình thức, nội dung và địa điểm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

b) Thành lập các bộ phận giúp việc: Ban thẩm định hồ sơ, Ban kiểm tra, sát hạch khi tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng thành lập Tổ thư ký giúp việc;

c) Tổ chức thu phí xét thăng hạng và sử dụng theo quy định;

d) Tổ chức thi (vấn đáp), chấm thi, tổ chức xét hồ sơ, kiểm tra, sát hạch theo quy chế;

đ) Báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp công nhận kết quả kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

e) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

g) Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

3. Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người dự thi hoặc xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người dự thi hoặc xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người dự thi hoặc xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên các bộ phận giúp việc của Hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

**Bước 4.** Nội dung, hình thức xét thăng hạng (Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 19 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)

1. Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã sửa đổi tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Hình thức: Thẩm định hồ sơ.

**Bước 5.** Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng

1. Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã sửa đổi tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP của Chính phủ, được người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng (Giám đốc Sở) công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

2. Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

b) Viên chức là nữ;

c) Viên chức là người dân tộc thiểu số;

d) Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

đ) Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

**3. Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức.**

**Bước 6. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp**

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền hoặc người được phân cấp, ủy quyền (Giám đốc Sở) phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

Trường hợp viên chức đã trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng nhưng sau đó bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật hoặc bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì chưa ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp trúng tuyển.

Khi hết thời hạn xử lý kỷ luật mà không bị kỷ luật hoặc hết thời gian thi hành quyết định kỷ luật hoặc sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì căn cứ vào cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại thời điểm xem xét, quyết định bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền quyết định việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời điểm hưởng lương mới, thời gian xét nâng bậc lương lần sau, việc kéo dài thời gian nâng bậc lương (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Việc xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới bổ nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **2. Cách thức thực hiện**

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cơ quan tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức).

## **3. Thành phần hồ sơ (Điều 36 Nghị định 115/2020/NĐ-CP)**

Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

1. Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

2. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

3. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

4. Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng.

#### **4. Thời hạn giải quyết**

Trước ngày xét thăng hạng ít nhất 15 ngày, Hội đồng xét thăng hạng thông báo cụ thể thời gian, địa điểm tổ chức xét thăng hạng.

#### **5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Phú Yên.

#### **6. Đối tượng thực hiện**

Viên chức

#### **7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP

**8. Phí, lệ phí (Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính), trong đó:**

Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II, hạng III, hạng IV:

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 đồng/thí sinh/lần
- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 đồng/thí sinh/lần
- Từ 500 trở lên: 500.000 đồng/thí sinh/lần.

#### **9. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính**

Quyết định hành chính.

#### **10. Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính**

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;
- Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn hạng hiện giữ trong cùng ngành, lĩnh vực;
- Đáp ứng các yêu cầu khác do Bộ quản lý viên chức chuyên ngành quy định.

#### **11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

**12. Mẫu báo cáo số lượng, cơ cấu chức danh và chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức:** 02 mẫu kèm theo, gồm: Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ.....

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CỦA TỪNG CHỨC DANH VIÊN CHỨC NĂM ...**

TT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Tổng số	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có					Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức					Ghi chú
			Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV	Chức danh nghề nghiệp hạng V	Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV xếp	Chức danh nghề nghiệp hạng V	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Chức danh nghề nghiệp viên chức												
	...												
	...												

....., ngày ... tháng ... năm ...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)



TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ .....

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CỎ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ CHỨC DANH ... LÊN CHỨC DANH ... NĂM .....**

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nam	Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Có đề án, công trình	Được miễn thi		Ngoại ngữ đăng ký thi	Ghi chú
								Hệ số lương	Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ	Trình độ Chuyên môn	Trình độ lý luận chính trị	Trình độ quản lý nghề nghiệp	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ		Tin học	Ngoại ngữ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)

....., ngày ... tháng ... năm ...  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

## **II. Công bố dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh**

### **1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật kiểm tra, đánh giá tình hình dịch hại, tổng hợp báo cáo Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Bảo vệ thực vật về tình hình dịch hại (*nội dung báo cáo chi tiết về tình hình dịch hại, số liệu thống kê thực tế chứng minh đủ điều kiện công bố dịch và sự cần thiết phải công bố dịch, đề xuất phạm vi công bố dịch và các giải pháp chống dịch*), (mẫu số 07).

**Bước 2:** Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Tờ trình (mẫu số 08) kèm báo cáo chi tiết đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố dịch hại thực vật (mẫu số 09).

**Bước 3:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Tờ trình và báo cáo của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để quyết định công bố dịch (mẫu số 10), (*Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng tư vấn để lấy ý kiến*).

**Bước 4:** Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi công bố dịch, Quyết định công bố dịch phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng của trung ương và địa phương; chính quyền địa phương nơi công bố dịch phải thông báo cho chủ thực vật, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn biết và thực hiện.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, trực tuyến qua hệ thống quản lý điều hành hoặc qua dịch vụ bưu chính viễn thông.

### **3. Thành phần hồ sơ:**

a) Tờ trình đề nghị công bố dịch.

b) Báo cáo tình hình dịch hại, số liệu thống kê thực tế dịch hại.

**4. Số lượng hồ sơ:** 01 bộ (bản chính).

**5. Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

**7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công bố dịch hại thực vật bao gồm các nội dung theo quy định tại mục a, khoản 2, Điều 5 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ.

**9. Phí, lệ phí:** Không.

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

### **11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Đối với sinh vật gây hại thực vật không thuộc đối tượng kiểm dịch thực vật, không phải là sinh vật gây hại lạ thì phải đảm bảo hai điều kiện sau:

- Sinh vật gây hại thực vật gia tăng đột biến cả về số lượng, diện tích, mức độ gây hại so với trung bình của 02 (hai) năm trước liền kề của thời điểm công bố dịch và dự báo của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật cấp tỉnh trở lên; có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, môi trường, đời sống nhân dân, vượt quá khả năng kiểm soát của chủ thực vật.

- Các biện pháp quản lý sinh vật gây hại đã được chủ thực vật áp dụng theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật nhưng chưa đạt

hiệu quả, phải áp dụng các biện pháp khẩn cấp, bắt buộc chủ thực vật, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn có dịch thực hiện nghiêm chỉnh trong một thời gian nhất định để nhanh chóng khống chế, dập tắt dịch.

b) Đối với sinh vật gây hại thực vật là đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ:

Khi phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ xuất hiện hoặc xâm nhập vào lãnh thổ Việt Nam, có nguy cơ thiết lập quần thể, lây lan ra diện rộng mà phải áp dụng các biện pháp khẩn cấp, bắt buộc chủ thực vật, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn có dịch thực hiện nghiêm chỉnh để nhanh chóng bao vây và xử lý triệt để đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ.

## **12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

a) Điều 17 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013 của Quốc hội khóa 13.

b) Điều 4, 5 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

c) Tiêu chuẩn cơ sở 661:2018/BVTV quy trình công bố dịch và công bố hết dịch ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-BVTV-KH ngày 16/01/2018 của Cục Bảo vệ thực vật.

**Báo cáo tình hình dịch hại thực vật đề nghị công bố dịch tại địa phương**  
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BVTV Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày ..... tháng .... năm ....

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Bảo vệ thực vật.

**BÁO CÁO**

Tình hình (*tên sinh vật gây hại*) ..... hại (*tên cây trồng*) .....trên địa  
bàn: xã ..... huyện .....tỉnh.....

**I. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI**

1. Thời tiết (tỉnh/vùng): Tình hình thời tiết hiện tại có liên quan đến sinh trưởng, phát triển của cây trồng và dịch hại.

2. Các giai đoạn sinh trưởng, phát triển

Báo cáo tổng diện tích gieo trồng, giống, giai đoạn sinh trưởng của cây trồng trong thời điểm hiện tại.

Nhận xét tình hình sinh vật gây hại: Thống kê diện tích nhiễm, mật độ, tỷ lệ của dịch hại, so sánh với cùng kỳ 2 năm trước liền kề (*Bảng thống kê diện tích nhiễm kèm theo*).

**II. BIỆN PHÁP KỸ THUẬT ĐÃ THỰC HIỆN**

1. Các biện pháp kỹ thuật, tổ chức chỉ đạo đã thực hiện

Các biện pháp kỹ thuật đã áp dụng để xử lý, thời gian áp dụng các biện pháp xử lý, các văn bản chỉ đạo phòng trừ đã thực hiện.

2. Kết quả phòng trừ

**III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH DỊCH HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI**

1. Đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố đến phát sinh, hình thành dịch

Một số nội dung tham khảo:

- *Giai đoạn sinh trưởng phát triển của cây trồng;*
- *Các yếu tố canh tác, mật độ gieo trồng;*
- *Yếu tố thời tiết;*
- *Tuổi sâu, tỷ lệ/cấp bệnh;*
- *Diện tích, mức độ môi giới truyền bệnh (nếu là dịch hại có môi giới truyền bệnh),...;*
- *Nguồn dịch hại trên ký chủ phụ có khả năng lan truyền.*

2. Dự Kiến

- Diện tích nhiễm, mức gây hại của dịch hại trong thời gian tới;

- Khoảng thời gian (cao điểm) bùng phát dịch hại;
- Địa điểm bùng phát dịch hại;
- Khả năng thiệt hại năng suất (%).

#### **IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

- Phạm vi công bố dịch;
- Giải pháp chống dịch.

#### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Trung tâm BVTV vùng;

...

*Lưu.*

#### **CHI CỤC TRƯỞNG**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BVTV**  
**BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH NHIỄM**  
**(tên dịch hại).....hại (tên cây trồng)**  
*Đến ngày.....tháng..... năm .....*

*(Kèm theo Báo cáo số: .... ngày..... tháng ..... năm ..... của Chi cục Trồng trọt và BVTV.....)*

STT	Huyện/Xã	Giai đoạn sinh trưởng của cây trồng	Diện tích nhiễm (ha)									Diện tích nhiễm dự kiến (ha)	Ghi chú
			Tổng số			Nặng			Mất trắng				
			Diện tích nhiễm hiện tại (ha)	Diện tích TB 02 năm trước liền kề (ha)*	So với TB 02 năm trước liền kề (%)	Diện tích nhiễm hiện tại (ha)	Diện tích TB 02 năm trước liền kề (ha)	So với TB 02 năm trước liền kề (%)	Diện tích nhiễm hiện tại (ha)	Diện tích TB 02 năm trước liền kề (ha)	So với TB 02 năm trước liền kề (%)		

(\*): Tổng diện tích nhiễm của 02 năm liền kề chia trung bình

**Mẫu số 08**

**Tờ trình đề nghị công bố dịch trên địa bàn xã/huyện/tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ....  
SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**TỜ TRÌNH**

***Về việc đề nghị công bố dịch (tên dịch hại) ..... trên (tên cây trồng)  
trên địa bàn .....***

Kính gửi: Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh .....

Nội dung tờ trình gồm 3 phần như sau:

*Phần 1:* Nêu lý do đưa ra nội dung trình duyệt.

*Phần 2:* Nội dung và căn cứ các vấn đề cần đề xuất (trong đó có các phương án chống dịch khả thi).

*Phần 3:* Kiến nghị cấp trên (hỗ trợ, bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện việc chống dịch hiệu quả).

(Đính kèm Báo cáo tình hình dịch hại thực vật đề nghị công bố dịch tại địa phương của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chủ tịch UBND tỉnh/thành phố phê duyệt và ra quyết định./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;

....

- Lưu:

**GIÁM ĐỐC**

*(Ký tên, đóng dấu)*

## Mẫu số 09

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ....  
SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ....., ngày ..... tháng ..... năm 20....

### BÁO CÁO

**Tình hình (tên sinh vật gây hại) .... (tên cây trồng) .... trên địa bàn .....**  
(Kèm theo Tờ trình số .... Ngày .... của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh ...

#### I. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI

1. Thời tiết (tỉnh/vùng): Tình hình thời tiết hiện tại có liên quan đến sinh trưởng, phát triển của cây trồng và dịch hại.

2. Các giai đoạn sinh trưởng, phát triển

Báo cáo tổng diện tích gieo trồng, giống, giai đoạn sinh trưởng của cây trồng trong thời điểm hiện tại.

3. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại: Thống kê diện tích nhiễm, mật độ, tỷ lệ của dịch hại, so sánh với cùng kỳ 02 năm trước liền kề (*Bảng thống kê diện tích kèm theo*).

#### II. BIỆN PHÁP KỸ THUẬT ĐÃ THỰC HIỆN

1. Các biện pháp kỹ thuật, tổ chức chỉ đạo đã thực hiện

(Các biện pháp kỹ thuật đã áp dụng để xử lý, thời gian áp dụng các biện pháp xử lý, các văn bản chỉ đạo phòng trừ đã thực hiện)

2. Kết quả phòng trừ.

#### III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH DỊCH HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố đến phát sinh, hình thành dịch

*Gồm: Giai đoạn sinh trưởng phát triển của cây trồng; Các yếu tố canh tác, mật độ gieo trồng; Yếu tố thời tiết; Tuổi sâu, tỷ lệ/cấp bệnh; Diện tích, mức độ môi giới truyền bệnh (nếu là dịch hại có môi giới truyền bệnh); Nguồn dịch hại trên ký chủ phụ có khả năng lan truyền.*

2. Dự kiến:

- Diện tích nhiễm, mức gây hại của dịch hại trong thời gian tới;

- Khoảng thời gian (cao điểm) bùng phát dịch hại;

- Địa điểm bùng phát dịch hại;

- **Khả năng gây thiệt hại năng suất (%).**

*Nơi nhận:*

- Như trên;

- Cục Bảo vệ thực vật;

- Trung tâm BVTV vùng;

.....

- Lưu: VT, BVTV.

**GIÁM ĐỐC**

(Ký tên, đóng dấu)



**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

**BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH NHIỄM**  
**(tên dịch hại.....hại (tên cây trồng).....)**

*Đến ngày.....tháng ..... năm .....*

*(Kèm theo Tờ trình số .... ngày... tháng ... năm... của Sở Nông nghiệp và PTNT)*

STT	Tỉnh/Huyện/ Xã	Giai đoan	Diện tích nhiễm (ha)									Diện tích	Ghi chú
			Tổng số			Nặng			Mất trắng				
			Diện tích nhiễm hiện tại (ha)	Diện tích TB 02 năm trước liên kê	So với TB 02 năm trước liên kê (%)	Diện tích nhiễm hiện tại (ha)	Diện tích TB 02 năm trước liên kê (ha)	So với TB 02 năm trước liên kê (%)	Diện tích nhiễm hiện tại (ha)	Diện tích TB 02 năm trước liên kê	So với TB 02 năm trước liên kê (%)		

*(\*) Tổng diện tích nhiễm của 02 năm liên kê chia trung bình*

**Mẫu số 10**

**Quyết định công bố dịch của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TỈNH/THÀNH PHỐ**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày y..... tháng .... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố dịch (tên dịch hại) .....hại (tên cây trồng).....  
trên địa bàn (xã/huyện/tỉnh).....

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...**

Các căn cứ Pháp lý;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số: ... ngày ...  
tháng ... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố dịch (tên dịch hại) ..... hại (tên cây trồng).....trên phạm vi  
(xã/huyện/tỉnh) ..... từ ngày .....

**Điều 2.** Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị tại địa phương (nêu tên cụ thể)

*Một số nội dung tham khảo:*

- *Khẩn trương thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành khi có công bố dịch. Báo cáo thường xuyên về diễn biến tình hình dịch bệnh, kết quả chỉ đạo chống dịch;*

- *Tham mưu xây dựng dự toán kinh phí chống dịch; bố trí kinh phí đầy đủ để tổ chức chống dịch bệnh; khôi phục sản xuất;*

- *Tổ chức tuyên truyền cho nông dân về tác hại... và biện pháp chống dịch.*

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Các cơ quan đơn vị tại địa phương (nêu tên cụ thể) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Bảo vệ thực vật;
- ....
- Lưu: ...

**CHỦ TỊCH**  
(Ký tên, đóng dấu)

### **III. Công bố hết dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh**

#### **1. Trình tự thủ tục**

**Bước 1:** Khi sinh vật gây hại thực vật đã được khống chế và không còn nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật kiểm tra và báo cáo kết quả chống dịch với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm BVTV vùng, Cục Bảo vệ thực vật (*Mẫu số 11*).

**Bước 2:** Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Tờ trình đề xuất công bố hết dịch với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (*Mẫu số 12*).

**Bước 3:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào báo cáo của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định công bố hết dịch ở địa phương (*Mẫu số 13*).

**Bước 4:** Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký Quyết định công bố hết dịch, Quyết định phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng ở trung ương và địa phương.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp, trực tuyến qua hệ thống quản lý điều hành hoặc qua dịch vụ bưu chính viễn thông.

#### **3. Thành phần hồ sơ:**

- a) Tờ trình đề nghị công bố hết dịch.
- b) Báo cáo kết quả chống dịch và đề xuất công bố hết dịch.

**4. Số lượng hồ sơ:** 01 bộ (bản chính).

**5. Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

**7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công bố hết dịch hại thực vật.

**9. Phí, lệ phí:** Không.

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

a) Điều 19 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013 của Quốc hội khóa 13.

b) Điều 6 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

c) Tiêu chuẩn cơ sở 661:2018/BVTV quy trình công bố dịch và công bố hết dịch ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-BVTV-KH ngày 16/01/2018 của Cục Bảo vệ thực vật.

**Mẫu số 11**

**Báo cáo kết quả chống dịch và đề xuất công bố hết dịch tại địa phương**

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT  
CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BVTV**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng .... năm ....

Số: .....

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Bảo vệ thực vật.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CHỐNG DỊCH VÀ ĐỀ XUẤT CÔNG BỐ HẾT DỊCH**

(tên dịch hại) .....hại (tên cây trồng) .....trên địa bàn .....

**I. KẾT QUẢ CHỐNG DỊCH**

1. Nhận định tình hình dịch hại (Thời tiết, giai đoạn sinh trưởng, phát triển của cây trồng, thống kê diện tích nhiễm của dịch hại).
2. Các biện pháp kỹ thuật, tổ chức chỉ đạo thực hiện.
3. Kết quả chống dịch.
4. Dự báo xu hướng phát sinh của dịch hại.

**II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

1. Đề nghị công bố hết dịch trên địa bàn .....
2. Giải pháp quản lý dịch hại bền vững.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Trung tâm BVTV vùng;
- ...
- Lưu.

**CHI CỤC TRƯỞNG**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu số 12**  
**Tờ trình đề nghị công bố hết dịch trên địa bàn xã/huyện/tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ....**  
**SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: ..... , ngày ..... tháng ..... năm .....

**TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị công bố hết dịch (*tên dịch hại*) *hại* (*tên cây trồng*)**  
**trên địa bàn .....**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh .....

Nội dung Tờ trình gồm 3 phần chính:

*Phần 1:* Nêu lý do đưa ra nội dung trình duyệt.

*Phần 2:* Nội dung và căn cứ các vấn đề cần đề xuất.

*Phần 3:* Kiến nghị cấp trên.

*(Đính kèm báo cáo kết quả chống dịch và đề xuất công bố hết dịch của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật).*

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chủ tịch phê duyệt và ra quyết định./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;

....

- Lưu

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu số 13**  
**Quyết định công bố hết dịch trên địa bàn xã/huyện/tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**TỈNH/THÀNH PHỐ**

Số: .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .... tháng .... năm ....

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố hết dịch (*tên dịch hại*).....**hại** (*tên cây trồng*).....  
trên địa bàn (*xã/huyện/tỉnh*).....

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ .....**

Các căn cứ Pháp lý;

Căn cứ khả năng và tình hình thực tế của (*tên dịch hại*) ..... **hại** (*tên cây trồng*)  
..... hiện nay trên địa bàn toàn (*xã, huyện, tỉnh*)

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số:  
.... ngày ...tháng ... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố hết dịch (*tên dịch hại*).....trên phạm vi... từ (thời gian) ...

**Điều 2.** Giao các sở, ban, ngành (*nêu tên cụ thể*) chịu trách nhiệm:

*Một số nội dung tham khảo:*

- *Thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về Quyết định công bố hết dịch;*

- *Thường xuyên kiểm tra, theo dõi chặt chẽ diễn biến của dịch hại trên đồng ruộng, thực hiện các biện pháp phòng, trừ, ngăn ngừa sự bùng phát trở lại của dịch hại;*

- *Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện việc dự báo dịch hại, duy trì chế độ báo cáo; báo cáo ngay khi dịch có nguy cơ bùng phát trở lại.*

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Các cơ quan, đơn vị tại địa phương (*nêu tên cụ thể*) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Bảo vệ thực vật;
- ....
- Lưu.

**CHỦ TỊCH**  
(Ký tên, đóng dấu)

#### **IV. Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa trên phạm vi toàn tỉnh**

##### **1. Trình tự thủ tục**

**Bước 1:** Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, gửi đề xuất nhu cầu chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa đến Sở Nông nghiệp và PTNT trước ngày 30/10 hàng năm.

**Bước 2:** Sở Nông nghiệp và PTNT rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa trên địa bàn toàn tỉnh trước ngày 25/11 hàng năm.

**Bước 3:** Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên địa bàn tỉnh (*Mẫu số 14*).

**2. Cách thức thực hiện:** Trục tuyến trên Hệ thống Quản lý văn bản điều hành của tỉnh.

##### **3. Thành phần hồ sơ:**

Văn bản đề xuất nhu cầu chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố

**4. Số lượng hồ sơ:** 01 bộ (bản chính)

**5. Thời hạn giải quyết:** Không quy định

**6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban Nhân dân cấp huyện

**7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có).

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Phú Yên

**8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh.

**9. Phí, lệ phí:** Không.

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Quyết định ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh theo Phụ lục I, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ.

**11. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không.

**12. Căn cứ pháp lý:**

a) Điều 56 Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018.

b) Khoản 1, Điều 7 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

**Mẫu số 14**  
**Quyết định ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng,  
vật nuôi trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH/THÀNH PHỐ ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
Số: .../QĐ- ...

-----  
..., ngày ... tháng... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm ...**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...**

*Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ...tháng ...năm ... của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;*

*Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ...tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân ... quy định về chức năng, nhiệm vụ của tỉnh ...;*

*Theo đề nghị ....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm ...”.

*(Bản kế hoạch kèm theo)*

**Điều ...**

**Điều ...**

**Nơi nhận:**

...

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*



**KẾ HOẠCH**  
**CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA NĂM ...**  
*(Kèm theo Quyết định số... /QĐ-UBND ngày ... tháng... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...)*

*Đơn vị tính: ha*

STT	Huyện	Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)				...
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại		
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nương	
	<b>Tổng số</b>					
	Trồng cây hàng năm					
	Trồng cây lâu năm					
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản					
	<b>Trong đó:</b>					
1	<b>Huyện A</b>					
	Trồng cây hàng năm					
	Trồng cây lâu năm					
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản					
2	<b>Huyện B</b>					
	Trồng cây hàng năm					
	Trồng cây lâu năm					
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản					
3	<b>Huyện ....</b>					
...	.....					

## **V. Quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của cấp huyện**

### **1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** UBND cấp huyện lập hồ sơ đề nghị UBND tỉnh quyết định hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực khi yêu cầu phòng, chống dịch bệnh động vật vượt quá khả năng của địa phương và gửi cho Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT để lấy ý kiến thẩm định nội dung trước khi trình UBND tỉnh.

**Bước 2:** Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định hồ sơ và trả lời bằng văn bản cho UBND cấp huyện đảm bảo thời gian theo đề nghị của UBND cấp huyện.

**Bước 3:** UBND cấp huyện tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ trình đề nghị UBND tỉnh quyết định hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực khi yêu cầu phòng, chống dịch bệnh động vật vượt quá khả năng của địa phương.

**Bước 4:** Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực khi yêu cầu phòng, chống dịch bệnh động vật vượt quá khả năng của địa phương theo quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều 27 Luật Thú y.

**2. Cách thức thực hiện:** Qua Hệ thống quản lý văn bản điều hành.

### **3. Thành phần hồ sơ:**

a) Tờ trình của UBND cấp huyện đề nghị UBND tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực khi yêu cầu phòng, chống dịch bệnh động vật vượt quá khả năng của địa phương;

b) Báo cáo của UBND cấp huyện tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của các sở, ngành liên quan;

c) Văn bản thẩm định của các sở, ngành liên quan.

**4. Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**5. Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:** UBND cấp huyện.

**7. Cơ quan giải quyết TTHC:** UBND tỉnh.

**8. Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực khi yêu cầu phòng, chống dịch bệnh động vật vượt quá khả năng của địa phương.

**9. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Khi yêu cầu hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật vượt quá khả năng của địa phương.

**12. Căn cứ pháp lý của TTHC**

Điểm d Khoản 4 Điều 27 Luật Thú y.

## **VI. Công bố dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra từ 02 huyện trở lên trong phạm vi tỉnh**

### **1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh hồ sơ đề nghị công bố dịch bệnh động vật trên cạn theo quy định của Luật Thú y.

**Bước 2:** Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố dịch bệnh động vật trên cạn theo thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 4 Điều 26 Luật Thú y.

**2. Cách thức thực hiện:** Qua Hệ thống quản lý văn bản điều hành.

### **3. Thành phần hồ sơ:**

- a) Văn bản đề nghị công bố dịch của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- b) Quyết định công bố dịch của Chủ tịch UBND cấp huyện (*quyết định của 02 huyện trở lên*).

**4. Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**5. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 24 giờ.

**6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** UBND cấp tỉnh.

**8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công bố dịch bệnh động vật trên cạn.

**9. Phí, lệ phí:** Không.

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

### **11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Có ổ dịch bệnh động vật thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch xảy ra và có chiều hướng lây lan nhanh trên diện rộng hoặc phát hiện có tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới.

b) Có kết luận chẩn đoán xác định là bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới của cơ quan có thẩm quyền chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật.

c) Có quyết định công bố dịch của Chủ tịch UBND cấp huyện (*quyết định của 02 huyện trở lên*).

### **12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

a) Luật Thú y.

b) Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

c) Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019 và Thông tư số 09/2021/TT-BNNPTNT ngày 12/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

## **VII. Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra từ 02 huyện trở lên trong phạm vi tỉnh.**

### **1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh hồ sơ đề nghị công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn theo quy định của Luật Thú y.

**Bước 2:** Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Thú y.

**2. Cách thức thực hiện:** Qua Hệ thống quản lý văn bản điều hành.

**3. Thành phần hồ sơ:**

- a) Văn bản đề nghị công bố hết dịch của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- b) Văn bản chấp thuận công bố hết dịch gửi kèm theo biên bản thẩm định điều kiện công bố hết dịch của Cục Thú y.

**4. Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**5. Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** UBND cấp tỉnh.

**8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn.

**9. Phí, lệ phí:** Không.

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Trong thời gian 21 ngày kể từ ngày con vật mắc bệnh cuối cùng bị chết, bị tiêu hủy, giết mổ bắt buộc hoặc lành bệnh mà không có con vật nào bị mắc bệnh hoặc chết vì dịch bệnh động vật đã công bố.

b) Đã phòng bệnh bằng vắc-xin cho động vật miễn cảm với bệnh dịch được công bố đạt tỷ lệ trên 90% số động vật trong diện tiêm trong vùng có dịch và trên 80% số động vật trong diện tiêm trong vùng bị dịch uy hiếp hoặc đã áp dụng biện pháp phòng bệnh bắt buộc khác cho động vật miễn cảm với bệnh trong vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y.

c) Thực hiện tổng vệ sinh, khử trùng tiêu độc trong khoảng thời gian quy định (21 ngày kể từ ngày con vật mắc bệnh cuối cùng bị chết, bị tiêu hủy, giết mổ bắt buộc hoặc lành bệnh mà không có con vật nào bị mắc bệnh hoặc chết vì dịch bệnh động vật đã công bố) đối với vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp theo hướng dẫn tại mục 5 của Phụ lục 08 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016, bảo đảm đạt yêu cầu vệ sinh thú y.

d) Có Quyết định công bố hết dịch của Chủ tịch UBND cấp huyện của những huyện đã công bố dịch.

**12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

a) Luật Thú y.

b) Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

c) Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019 và Thông tư số 09/2021/TT-BNNPTNT ngày 12/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

### **VIII. Công bố dịch bệnh động vật thủy sản**

#### **1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh hồ sơ đề nghị công bố dịch bệnh động vật thủy sản theo quy định của Luật Thú y.

**Bước 2:** Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố dịch bệnh động vật thủy sản theo thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều 34 Luật Thú y.

**2. Cách thức thực hiện:** Qua Hệ thống quản lý văn bản điều hành.

#### **3. Thành phần hồ sơ:**

Văn bản đề nghị công bố dịch của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**4. Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**5. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 24 giờ.

**6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** UBND cấp tỉnh.

**8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công bố dịch bệnh động vật thủy sản.

**9. Phí, lệ phí:** Không.

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

#### **11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Có ổ dịch bệnh động vật thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch xảy ra và có chiều hướng lây lan nhanh trên diện rộng hoặc phát hiện tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới;

b) Có kết luận chẩn đoán xác định là bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới của cơ quan có thẩm quyền chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật;

c) Có văn bản đề nghị công bố dịch của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh.

#### **12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

a) Luật Thú y.

b) Thông tư số 04/2016/TTBNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

### **IX. Công bố hết dịch bệnh động vật thủy sản**

#### **1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh hồ sơ đề nghị công bố hết dịch bệnh động vật thủy sản theo quy định của Luật Thú y.

**Bước 2:** Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố hết dịch bệnh động vật thủy sản theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 36 Luật Thú y.

**2. Cách thức thực hiện:** Qua Hệ thống quản lý văn bản điều hành.

#### **3. Thành phần hồ sơ:**

a) Văn bản đề nghị công bố hết dịch của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Văn bản chấp thuận công bố hết dịch gửi kèm theo biên bản thẩm định điều kiện công bố hết dịch của Cục Thú y.

**4. Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**5. Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** UBND cấp tỉnh.

**8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công bố hết dịch bệnh động vật thủy sản.

**9. Phí, lệ phí:** Không.

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Sau ít nhất 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày xử lý xong ổ dịch cuối cùng mà không phát sinh ổ dịch bệnh động vật mới;

b) Đã áp dụng các biện pháp phòng bệnh bắt buộc cho động vật mắc cảm với bệnh dịch động vật trong vùng có dịch;

c) Đã thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng, tiêu độc bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y đối với vùng có dịch;

d) Có văn bản đề nghị công bố hết dịch bệnh động vật của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh và được Cục Thú y thẩm định, công nhận.

**12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

a) Luật Thú y.

b) Thông tư số 04/2016/TTBNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản

**X. Phê duyệt kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.**

**1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng dự thảo kế hoạch phòng chống dịch bệnh động vật thủy sản hằng năm và gửi cho các sở, ngành, địa phương để lấy ý kiến góp ý trước khi trình UBND tỉnh. Thời gian phải đảm bảo trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch trước ngày 30/11 hằng năm.

**Bước 2:** Các sở, ngành, địa phương góp ý dự thảo kế hoạch và trả lời bằng văn bản, đảm bảo thời gian theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Bước 3:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch phòng chống dịch bệnh động vật thủy sản, trình đề nghị UBND tỉnh phê duyệt.

**Bước 4:** Chủ tịch UBND tỉnh ban hành kế hoạch phòng chống dịch bệnh động vật thủy sản.

**2. Cách thức thực hiện:** Qua Hệ thống quản lý văn bản điều hành.

**3. Thành phần hồ sơ:**

a) Tờ trình của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản (*kèm theo Dự thảo Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản của UBND tỉnh*);

b) Báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp tiếp thu, giải trình ý

kiến góp ý của các sở, ngành, địa phương liên quan;

c) Văn bản góp ý của các sở, ngành, địa phương liên quan.

**4. Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**5. Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** UBND cấp tỉnh.

**8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

**9. Phí, lệ phí:** Không.

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Đảm bảo đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu.

**12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Thông tư số 04/2016/TTBNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

## **B. UBND CẤP HUYỆN**

**I. Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa trên địa bàn huyện**

**1. Trình tự thủ tục:**

**Bước 1:** Ủy ban nhân dân cấp xã gửi đề xuất nhu cầu chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa đến Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng Kinh tế cấp huyện

**Bước 2:** Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng Kinh tế cấp huyện rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện dự thảo Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố trước ngày 01/12 hàng năm.

**Bước 3:** Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố trước ngày 15/12 hàng năm (*Mẫu số 15*).

**2. Cách thức thực hiện:** Hệ thống Quản lý văn bản điều hành của tỉnh.

**3. Thành phần hồ sơ:**

Văn bản đề xuất nhu cầu chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa trên địa bàn phường, xã, thị trấn.

**4. Số lượng hồ sơ:** 01 bộ (bản chính)

**5. Thời hạn giải quyết:** Không quy định

**6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp xã

**7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Nông nghiệp và PTNT/ Phòng Kinh tế cấp huyện.

**8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa trên địa bàn.

**9. Phí, lệ phí:** Không.

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Quyết định ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa trên địa bàn cấp huyện theo Phụ lục II, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ.

**11. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** không.

**12. Căn cứ pháp lý:**

a) Điều 56 Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018.

b) Khoản 2, Điều 7 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.



**Mẫu số 15.**

**Quyết định ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng,  
vật nuôi trên đất trồng lúa trên địa bàn huyện**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN/THÀNH PHỐ/THỊ XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....

-----

Số: .../QĐ- ...

..., ngày ... tháng... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng  
lúa năm ...**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN/THÀNH PHỐ/THỊ XÃ...**

*Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ...tháng ...năm ... của Chính phủ quy định chi tiết  
về đất trồng lúa;*

*Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ...tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân ... quy  
định về chức năng, nhiệm vụ của huyện ...;*

*Căn cứ Quyết định số.../QĐ-... của Ủy ban nhân dân tỉnh ... về việc ban hành Kế hoạch  
chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm...;*

*Theo đề nghị ....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật  
nuôi trên đất trồng lúa năm ...”.

*(Bản kế hoạch kèm theo)*

**Điều ...**

**Điều ...**

**Nơi nhận:**

...

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN/THÀNH PHỐ/THỊ XÃ ...**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**KẾ HOẠCH**  
**CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA NĂM ...**  
*(Kèm theo Quyết định số... /QĐ-UBND ngày ... tháng... năm ... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện/thành phố/thị xã...)*

*Đơn vị tính: ha*

STT	Xã/phường/thị trấn	Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)				...
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại		
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nương	
	<b>Tổng số</b>					
	Trồng cây hàng năm					
	Trồng cây lâu năm					
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản					
	<b>Trong đó:</b>					
1	<b>Xã/phường/thị trấn A</b>					
	Trồng cây hàng năm					
	Trồng cây lâu năm					
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản					
2	<b>Xã/phường/thị trấn B</b>					
	Trồng cây hàng năm					
	Trồng cây lâu năm					
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản					
3	<b>Xã/phường/thị trấn ...</b>					

## **II. Quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của cấp xã**

### **1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** UBND cấp xã lập hồ sơ đề nghị UBND cấp huyện quyết định hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực khi yêu cầu phòng, chống dịch bệnh động vật vượt quá khả năng của địa phương.

**Bước 2:** Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành Quyết định hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực khi yêu cầu phòng, chống dịch bệnh động vật vượt quá khả năng của địa phương theo quy định tại Điểm đ Khoản 5 Điều 27 Luật Thú y.

**2. Cách thức thực hiện:** Qua Hệ thống quản lý văn bản điều hành.

### **3. Thành phần hồ sơ:**

Văn bản trình của UBND cấp xã đề nghị UBND cấp huyện ban hành Quyết định hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực khi yêu cầu phòng, chống dịch bệnh động vật vượt quá khả năng của địa phương.

**4. Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**5. Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**6. Đối tượng thực hiện TTHC:** UBND cấp xã.

**7. Cơ quan giải quyết TTHC:** UBND cấp huyện.

**8. Kết quả thực hiện TTHC:** Quyết định hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực khi yêu cầu phòng, chống dịch bệnh động vật vượt quá khả năng của địa phương.

**9. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.

**11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Khi yêu cầu hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật vượt quá khả năng của địa phương.

### **12. Căn cứ pháp lý của TTHC**

Điểm đ khoản 5 Điều 27 Luật Thú y.

## **III. Công bố dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra trong phạm vi huyện**

### **1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Trạm Chăn nuôi và Thú y báo cáo ổ dịch bệnh động vật xảy ra trên địa bàn cấp huyện và phối hợp Phòng Kinh tế/Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu trình Chủ tịch UBND cấp huyện hồ sơ đề nghị công bố dịch bệnh động vật trên cạn theo quy định của Luật Thú y.

**Bước 2:** Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định công bố dịch bệnh động vật trên cạn theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 4 Điều 26 Luật Thú y.

**2. Cách thức thực hiện:** Qua Hệ thống quản lý văn bản điều hành.

### **3. Thành phần hồ sơ:**

a) Văn bản báo cáo ổ dịch và đề nghị công bố dịch của Trạm Chăn nuôi và Thú y cấp huyện.

b) Kết luận chẩn đoán xác định là bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới của cơ quan có thẩm quyền chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật.

**4. Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**5. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 24 giờ.

**6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Trạm Chăn nuôi và Thú y cấp huyện.

**7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** UBND cấp huyện.

**8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công bố dịch bệnh động vật.

**9. Phí, lệ phí:** Không.

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Có ổ dịch bệnh động vật thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch xảy ra và có chiều hướng lây lan nhanh trên diện rộng hoặc phát hiện có tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới.

b) Có kết luận chẩn đoán xác định là bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới của cơ quan có thẩm quyền chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật.

**12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

a) Luật Thú y.

b) Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

c) Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019 và Thông tư số 09/2021/TT-BNNPTNT ngày 12/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

**IV. Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra trong phạm vi huyện**

**1. Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Trạm Chăn nuôi và Thú y cấp huyện phối hợp Phòng Kinh tế/ Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chủ tịch UBND cấp huyện hồ sơ đề nghị công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn theo quy định của Luật Thú y.

**Bước 2:** Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Thú y.

**2. Cách thức thực hiện:** Qua Hệ thống quản lý văn bản điều hành.

**3. Thành phần hồ sơ:**

a) Văn bản đề nghị công bố hết dịch của Trạm Chăn nuôi và Thú y cấp huyện.

b) Văn bản chấp thuận công bố hết dịch gửi kèm theo biên bản thẩm định điều kiện công bố hết dịch của Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh.

**4. Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**5. Thời hạn giải quyết:** Không quy định.

**6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Trạm Chăn nuôi và Thú y cấp huyện.

**7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** UBND cấp huyện.

**8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công bố hết dịch bệnh động vật.

**9. Phí, lệ phí:** Không.

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

## **11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Trong thời gian 21 ngày kể từ ngày con vật mắc bệnh cuối cùng bị chết, bị tiêu hủy, giết mổ bắt buộc hoặc lành bệnh mà không có con vật nào bị mắc bệnh hoặc chết vì dịch bệnh động vật đã công bố.

b) Đã phòng bệnh bằng vắc-xin cho động vật mẫn cảm với bệnh dịch được công bố đạt tỷ lệ trên 90% số động vật trong diện tiêm trong vùng có dịch và trên 80% số động vật trong diện tiêm trong vùng bị dịch uy hiếp hoặc đã áp dụng biện pháp phòng bệnh bắt buộc khác cho động vật mẫn cảm với bệnh trong vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y.

c) Thực hiện tổng vệ sinh, khử trùng tiêu độc trong khoảng thời gian quy định (21 ngày kể từ ngày con vật mắc bệnh cuối cùng bị chết, bị tiêu hủy, giết mổ bắt buộc hoặc lành bệnh mà không có con vật nào bị mắc bệnh hoặc chết vì dịch bệnh động vật đã công bố) đối với vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp theo hướng dẫn tại mục 5 của Phụ lục 08 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016, bảo đảm đạt yêu cầu vệ sinh thú y.

## **12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

a) Luật Thú y.

b) Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

c) Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019 và Thông tư số 09/2021/TT-BNNPTNT ngày 12/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.